

Số: 02/2021/TT-BCA

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2021

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ VI PHẠM ĐIỀU LỆNH CÔNG AN NHÂN DÂN

Căn cứ [Luật Công an nhân dân](#) ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công tác đảng và công tác chính trị;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về xử lý vi phạm điều lệnh Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc xử lý vi phạm điều lệnh Công an nhân dân (sau đây gọi chung là vi phạm điều lệnh), bao gồm: nguyên tắc, căn cứ, thời gian, hình thức, trình tự, thẩm quyền, hồ sơ xử lý đơn vị, cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh; trường hợp chưa xem xét xử lý, không xử lý vi phạm điều lệnh; tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và liên đới trách nhiệm trong xử lý vi phạm điều lệnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. *Hành vi vi phạm điều lệnh* là hành vi do đơn vị, cán bộ, chiến sĩ vi phạm một trong các quy định của điều lệnh Công an nhân dân hoặc các quy định khác liên quan đến điều lệnh Công an nhân dân.
2. *Đơn vị vi phạm điều lệnh* là đơn vị cấp Cục, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương; đơn vị cấp phòng, Công an quận, huyện và tương đương; đơn vị cấp đội, Công an xã, phường, thị trấn và tương đương vi phạm điều lệnh.
3. *Cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh* là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, công nhân công an, học sinh, sinh viên Công an nhân dân vi phạm điều lệnh.
4. *Vi phạm nhiều lần* là đơn vị, cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh từ 02 lần trở lên trong năm.
5. *Vi phạm nhiều lỗi* là đơn vị, cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh từ 02 lỗi trở lên trong một lượt kiểm tra.
6. *Xử lý vi phạm* là quyết định của người có thẩm quyền xử lý về hành vi vi phạm điều lệnh được quy định trong Thông tư này.
7. *Trường hợp bất khả kháng* là đơn vị, cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh trong trường hợp khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý

1. Mọi hành vi vi phạm điều lệnh của đơn vị, cán bộ, chiến sĩ đều phải xử lý theo quy định của Thông tư này và các quy định khác có liên quan đến điều lệnh Công an nhân dân.
2. Căn cứ nội dung, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, thái độ tiếp thu của đơn vị, cán bộ, chiến sĩ vi phạm để quyết định hình thức xử lý phù hợp, bảo đảm tính giáo dục, phòng ngừa vi phạm.
3. Bảo đảm kịp thời, khách quan, công khai, dân chủ, xử lý đúng người, đúng hành vi vi phạm, đúng quy định của Bộ Công an.
4. Mỗi hành vi vi phạm chỉ xử lý 01 lần. Trường hợp vi phạm nhiều lần với cùng hành vi vi phạm thì xử lý cao hơn 01 bậc so với hình thức

xử lý tương ứng với hành vi đó. Trong cùng một thời điểm vi phạm nhiều lỗi thực hiện như sau: Nếu các hành vi có hình thức xử lý khác nhau thì áp dụng hình thức xử lý cao hơn một bậc so với hình thức xử lý cao nhất; nếu các hành vi có cùng một hình thức xử lý thì áp dụng hình thức xử lý cao hơn 01 bậc so với hình thức xử lý tương ứng với một trong các hành vi đó. Trong cùng một vụ việc có nhiều cán bộ, chiến sĩ vi phạm thì mỗi cán bộ, chiến sĩ đều bị xử lý về hành vi vi phạm của mình tùy theo tính chất, mức độ vi phạm của cán bộ, chiến sĩ đó.

Điều 4. Trường hợp chưa xem xét xử lý, không xử lý vi phạm

1. Chưa xem xét xử lý vi phạm

- a) Đang trong thời gian điều trị nội trú tại bệnh viện, có xác nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên;
- b) Đang trong thời gian bị đình chỉ công tác;
- c) Cán bộ, chiến sĩ nữ đang nghỉ chế độ thai sản.

2. Không xử lý vi phạm

- a) Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi khi vi phạm điều lệnh; được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm điều lệnh trong trường hợp bất khả kháng;
- b) Phái chấp hành chỉ thị, mệnh lệnh của lãnh đạo, chỉ huy mà trước đó đã kiến nghị thay đổi với người ra chỉ thị, mệnh lệnh nhưng không được chấp nhận.

Điều 5. Căn cứ xử lý

- 1. Biên bản kiểm tra điều lệnh do người có thẩm quyền ký; thông báo bằng văn bản về vi phạm điều lệnh của đơn vị chức năng.
- 2. Tin báo của người biết việc, người làm chứng, đơn thư khiếu nại, tố cáo; tin tức phản ánh trên các phương tiện thông tin đại chúng; các hình ảnh, hiện vật, âm thanh liên quan đến vi phạm điều lệnh đã được giám định hoặc xác minh là đúng.

Điều 6. Thời gian xử lý

- 1. Trong thời gian 15 ngày (ngày làm việc) kể từ khi nhận được thông báo kết quả kiểm tra điều lệnh, thủ trưởng đơn vị có tập thể, cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh phải tổ chức kiểm điểm, quyết định hình thức xử lý hoặc đề xuất hình thức xử lý theo quy định của Thông tư này.
- 2. Kết quả xử lý vi phạm điều lệnh phải báo cáo bằng văn bản về cơ quan điều lệnh cấp trên trực tiếp và đơn vị ra thông báo, đồng thời thông báo cho đơn vị, người phát hiện vi phạm chậm nhất 20 ngày (ngày làm việc) kể từ khi nhận được đủ hồ sơ, tài liệu vi phạm. Trường hợp có nhiều tình tiết cần phải làm rõ khi xử lý, thời gian xem xét xử lý và báo cáo kết quả xử lý có thể kéo dài hơn nhưng tối đa không quá 30 ngày (ngày làm việc).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ XỬ LÝ VI PHẠM ĐIỀU LỆNH

Điều 7. Hình thức xử lý

- 1. Đối với đơn vị vi phạm điều lệnh:
 - a) Phê bình;
 - b) Hạ bậc danh hiệu thi đua năm;
 - c) Không xét tặng danh hiệu thi đua năm.
- 2. Đối với cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh:
 - a) Phê bình;
 - b) Hạ bậc danh hiệu thi đua năm;

- c) Không xét tặng danh hiệu thi đua năm;
- d) Xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ;
- đ) Khiển trách;
- e) Cảnh cáo;
- g) Giáng cấp bậc hàm, hạ bậc lương;
- h) Cách chức, giáng chức;
- i) Tước danh hiệu Công an nhân dân.

Điều 8. Áp dụng hình thức xử lý đối với đơn vị vi phạm điều lệnh

1. Đơn vị bị xử lý bằng hình thức phê bình khi vi phạm một trong các hành vi thuộc các nhóm hành vi sau:

- a) Thực hiện không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về chế độ giao ban, hội họp, hội nghị, buổi lễ, học tập, huấn luyện, hội thi, hội thao; chế độ nghỉ cho cán bộ, chiến sĩ và trang trí khánh tiết hội trường, phòng họp của đơn vị;
- b) Bố trí trực chỉ huy, trực ban, thường trực chiến đấu không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an;
- c) Thực hiện không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về nội vụ, vệ sinh trụ sở cơ quan, doanh trại; nội vụ, vệ sinh nơi ăn, ngủ, nghỉ của cán bộ chiến sĩ; nội vụ, vệ sinh nơi sinh hoạt văn hóa, các trung tâm, cơ sở tập luyện, thi đấu điều lệnh, quân sự, võ thuật, thể dục, thể thao; nội vụ, vệ sinh nơi tiếp khách; công tác phòng, chống cháy nổ, thiên tai và bảo vệ môi trường;
- d) Tổng số lượt cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh trong năm có tỉ lệ từ 5% đến dưới 10% so với biên chế của đơn vị.

2. Đơn vị bị xử lý bằng hình thức hạ một bậc danh hiệu thi đua trong năm khi vi phạm một trong các hành vi thuộc các nhóm hành vi sau:

- a) Thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao;
- b) Không tổ chức giao ban; không tổ chức trực chỉ huy, trực ban, thường trực chiến đấu; không xây dựng chương trình, kế hoạch công tác tuần, tháng; không tổ chức chào cờ Tổ quốc định kỳ;
- c) Thực hiện không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về quản lý tài liệu; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện nghiệp vụ; quản lý vật chứng, phương tiện và đồ vật tạm giữ; quản lý tài sản, phương tiện của đơn vị; thu hồi trang phục, Công an hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, số hiệu, cảnh tùng, mũ kê-pi; thu hồi vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện nghiệp vụ, các giấy tờ công tác khác;
- d) Trụ sở cơ quan, đơn vị không treo cờ Tổ quốc theo quy định của pháp luật; không tổ chức canh gác hoặc thường trực bảo vệ, không có nội quy bảo vệ cơ quan; không có kế hoạch, phương án phòng chống cháy nổ, thiên tai. Các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trong Công an nhân dân không bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật;
- đ) Trong giờ làm việc, giờ trực, ngày trực tại đơn vị có từ 5% cán bộ chiến sĩ trở lên không mặc trang phục Công an nhân dân hoặc mặc trang phục không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an (trừ trường hợp Bộ có quy định khác); lập bàn thờ, để bát hương, thấp hương trong hội trường, phòng họp, phòng khách, phòng làm việc, phòng ở, nhà kho, nhà ăn tập thể, nơi để hồ sơ tài liệu thuộc phạm vi trụ sở đơn vị (trừ khi tổ chức lễ tang);
- e) Tổng số lượt cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh trong năm có tỉ lệ từ 10% đến dưới 20% so với biên chế của đơn vị.

3. Đơn vị bị xử lý bằng hình thức không xét tặng danh hiệu thi đua năm khi vi phạm một trong các hành vi thuộc các nhóm hành vi sau:

- a) Không xây dựng chương trình, kế hoạch công tác quý, 06 tháng, năm; không tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm các chuyên đề công tác lớn, dài hạn, 06 tháng, 01 năm;
- b) Không phổ biến, không tổ chức thực hiện chỉ thị, mệnh lệnh, quyết định, quy trình, quy chế, quy định của cấp trên; bao che, xử lý không đúng quy định hoặc không xử lý vi phạm điều lệnh;
- c) Không xây dựng, triển khai kế hoạch công tác điều lệnh, quân sự, võ thuật; không quán triệt đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên về công tác điều lệnh, quân sự, võ thuật;

d) Dùng trụ sở cơ quan, đơn vị cho thuê, cho mượn trái quy định của Bộ Công an;

đ) Tổng số lượt cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh trong năm có tỉ lệ từ 20% trở lên so với biên chế của đơn vị.

Điều 9. Áp dụng hình thức xử lý đối với cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh

1. Cán bộ, chiến sĩ bị xử lý bằng hình thức phê bình khi vi phạm một trong các hành vi trong các nhóm hành vi sau:

a) Thực hiện không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về xưng hô khi giao tiếp, chào, chào báo cáo; ứng xử khi giao tiếp trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân; ứng xử khi giao tiếp qua các phương tiện thông tin; khi làm nhiệm vụ tư thế, tác phong không nghiêm túc, để tay vào túi quần hoặc túi áo; đeo kính màu đen khi trực tiếp giải quyết công việc với người khác;

b) Thực hiện không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về kỷ luật công tác; kỷ luật khi hội họp, buổi lễ, học tập, giao ban; kỷ luật khi huấn luyện điều lệnh, quân sự, võ thuật, thể thao;

c) Thực hiện không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về sử dụng trang phục Công an nhân dân;

d) Thực hiện không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về nội vụ, vệ sinh trụ sở cơ quan, doanh trại; nội vụ, vệ sinh nơi ăn, ngủ, nghỉ của cán bộ chiến sĩ; nội vụ, vệ sinh nơi sinh hoạt văn hóa, các trung tâm, cơ sở tập luyện, thi đấu điều lệnh, quân sự, võ thuật, thể dục, thể thao; nội vụ, vệ sinh nơi tiếp khách; công tác phòng, chống cháy nổ, thiên tai và bảo vệ môi trường;

đ) Thực hiện không đúng các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng điện, nước, điện thoại, internet, văn phòng phẩm của đơn vị;

e) Nhuộm tóc khác màu đen và thực hiện không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về mẫu tóc cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân; móng tay để dài, sơn màu, gắn đá, đồ trang sức; cán bộ, chiến sĩ nam để râu, ria ở cằm, ở cổ và trên mặt.

2. Cán bộ, chiến sĩ bị xử lý bằng hình thức hạ một bậc danh hiệu thi đua năm khi vi phạm một trong các hành vi trong các nhóm hành vi sau:

a) Không tham gia chào cờ Tổ quốc theo quy định; khi làm nhiệm vụ trực ban, trực tiếp dân không ghi chép nội dung liên quan trong ca trực vào sổ, không đeo băng trực ban, không ký nhận, bàn giao hoặc giao, nhận không đầy đủ với ca trước hoặc sau ca trực của mình;

b) Trong giờ làm việc, hội họp, học tập không mặc trang phục theo quy định, vắng mặt không có lý do, mang phương tiện có tính năng thông tin liên lạc vào phòng họp khi đã có quy định cấm; thực hiện không đúng các quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về quy tắc ứng xử của Công an nhân dân;

c) Trong giờ làm việc, mặc trang phục Công an nhân dân ăn, uống ở hàng quán; hút thuốc trong khi làm nhiệm vụ, trong phòng làm việc, phòng họp, hội trường và ở những nơi có quy định cấm; lập bàn thờ, để bát hương, thắp hương trong hội trường, phòng họp, phòng khách, phòng làm việc, phòng ở, nhà kho, nhà ăn tập thể, nơi để hồ sơ tài liệu thuộc phạm vi trụ sở đơn vị (trừ khi tổ chức lễ tang);

d) Không nắm vững quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về chức trách, nhiệm vụ và các mối quan hệ công tác; làm việc không có chương trình kế hoạch; không xây dựng chương trình, kế hoạch công tác tuần; báo cáo không đầy đủ, kịp thời kết quả thực hiện nhiệm vụ; vi phạm chế độ nghỉ dưỡng, nghỉ phép;

đ) Thực hiện không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về quản lý tài liệu; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện nghiệp vụ; quản lý vật chứng, phương tiện và đồ vật tạm giữ; quản lý tài sản, phương tiện của đơn vị; thu hồi trang phục, Công an hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, số hiệu, cảnh tùng, mũ kêp; thu hồi vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện nghiệp vụ, các giấy tờ công tác khác;

e) Thực hiện không đúng các quy định về trật tự an toàn giao thông, can thiệp trái phép vào việc xử lý vi phạm, kéo dài thời hạn hoặc trì hoãn việc xử lý vi phạm điều lệnh.

3. Cán bộ, chiến sĩ bị xử lý bằng hình thức không xét tặng danh hiệu thi đua năm khi vi phạm một trong các hành vi trong các nhóm hành vi sau:

a) Không xử lý vi phạm điều lệnh hoặc áp dụng các hình thức xử lý vi phạm không đúng quy định, không thông báo xử lý vi phạm cho đơn vị, cán bộ, chiến sĩ vi phạm biết; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi tiền, nhận quà của người vi phạm điều lệnh; không chấp hành hoặc cản trở việc kiểm tra điều lệnh;

b) Uống rượu, bia và các chất có cồn trước, trong giờ làm việc, giờ nghỉ trưa của ngày làm việc, ngày trực, giờ trực; vi phạm chế độ trực

chỉ huy, trực ban, thường trực chiến đấu;

c) Thực hiện không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ra chỉ thị, mệnh lệnh và thực hiện chỉ thị mệnh lệnh;

d) Vi phạm các quy định về nếp sống văn minh, gia đình văn hóa; quy tắc, quy ước của chính quyền địa phương nơi công tác hoặc nơi cư trú.

4. Cán bộ, chiến sĩ bị xử lý bằng hình thức xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ trong năm khi vi phạm một trong các hành vi trong các nhóm hành vi sau:

a) Khi phát hiện vụ việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cần phải giải quyết nhưng không giải quyết hoặc không báo cáo lãnh đạo cấp có thẩm quyền;

b) Gây mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và uy tín của lực lượng Công an nhân dân.

5. Cán bộ, chiến sĩ bị xử lý bằng hình thức khiển trách khi vi phạm một trong các hành vi thuộc các nhóm hành vi sau:

a) Khi chuyển sang đơn vị khác, lực lượng khác trong Công an nhân dân cố ý không nộp lại vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật liệu nổ, phương tiện nghiệp vụ, tài liệu và các giấy tờ có liên quan (do lực lượng Công an cấp) cho đơn vị cũ;

b) Làm mất giấy tờ do lực lượng Công an cấp (thẻ điều tra viên, thẻ tuần tra kiểm soát, giấy kiểm tra điều lệnh) nhưng không kịp thời báo cáo để người khác lợi dụng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

6. Cán bộ, chiến sĩ bị xử lý bằng hình thức cảnh cáo khi vi phạm một trong các hành vi thuộc các nhóm hành vi sau:

a) Có hành vi mua, bán, tàng trữ trái phép trang phục Công an nhân dân;

b) Thực hiện không đúng quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về kỷ luật khi công tác biệt phái, xã hội hóa;

c) Khi gặp tình huống khẩn cấp, đột xuất, bất ngờ có nguy cơ đe dọa, xâm phạm đến an ninh, trật tự, nhưng không tham gia giải quyết, không tìm cách ngăn chặn hậu quả xảy ra, không báo ngay cho đơn vị Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất để giải quyết.

7. Ngoài các trường hợp xử lý vi phạm trên, cán bộ, chiến sĩ vi phạm một trong các hành vi liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước; thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao, quy trình công tác, quy chế làm việc; chế độ thông tin báo cáo, ra chỉ thị, mệnh lệnh và thực hiện chỉ thị, mệnh lệnh; thanh tra, kiểm tra; trật tự an toàn giao thông; sản xuất trái phép, làm giả trang phục, cấp hiệu, số hiệu Công an nhân dân; sử dụng giấy chứng nhận Công an nhân dân, giấy chứng minh Công an nhân dân, số hiệu Công an nhân dân và giấy tờ được cấp khác để phục vụ công tác; sử dụng chất gây nghiện trái phép, đánh bạc, hoạt động mê tín, dị đoan, sử dụng rượu, bia, chất có cồn; văn hóa ứng xử; quản lý, sử dụng tài liệu, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, vật chứng, phương tiện nghiệp vụ, tài sản đến mức phải xử lý kỷ luật từ hình thức Khiển trách đến Tước danh hiệu Công an nhân dân, thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về xử lý kỷ luật cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

Điều 10. Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ

1. Những tình tiết tăng nặng:

a) Có hành vi, lời nói gây cản trở, đối phó hoặc không chấp hành việc kiểm tra theo yêu cầu của Tổ kiểm tra điều lệnh;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm hoặc bao che, không xử lý vi phạm hoặc xử lý không đúng hành vi vi phạm theo quy định;

c) Vi phạm nhiều lần trong năm;

d) Không tự giác nhận khuyết điểm, có hành vi né tránh, che giấu vi phạm; khai báo không trung thực, ngăn cản người khác cung cấp chứng cứ vi phạm, cản trở việc xác minh, xử lý vi phạm hoặc có hành vi đe dọa, trù dập người tố cáo.

2. Những tình tiết giảm nhẹ:

a) Chủ động báo cáo hành vi vi phạm của mình với tổ chức, tự giác nhận khuyết điểm, thành khẩn, nhận thức rõ sai phạm;

b) Có hành động ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của việc vi phạm; kịp thời khắc phục, sửa chữa;

c) Vi phạm do nguyên nhân khách quan;

d) Tích cực tham gia vào các tổ chức, hoạt động phong trào của đơn vị, có thành tích được khen thưởng.

3. Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ là một trong những căn cứ để đề nghị tăng hoặc giảm mức xử lý. Trường hợp tình tiết tăng nặng nhiều hơn tình tiết giảm nhẹ thì áp dụng hình thức xử lý cao hơn một bậc so với hình thức xử lý của hành vi đó; trường hợp tình tiết tăng nặng ít hơn tình tiết giảm nhẹ thì áp dụng hình thức xử lý thấp hơn một bậc so với hình thức xử lý của hành vi đó.

Điều 11. Trình tự, thẩm quyền, hồ sơ xử lý vi phạm điều lệnh

1. Trình tự xử lý

a) Đối với đơn vị vi phạm điều lệnh:

Đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp yêu cầu đơn vị vi phạm kiểm điểm, báo cáo về hành vi vi phạm và tự nhận hình thức xử lý; tổ chức thẩm tra, xác minh, kết luận về hành vi vi phạm, nếu vi phạm đã rõ thì không cần xác minh;

Căn cứ nội dung vi phạm để tổ chức họp xét cho phù hợp: Nếu xử lý bằng hình thức phê bình thì tổ chức họp đơn vị hoặc cán bộ chủ chốt (thành phần do thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp quyết định), sau đó ra thông báo bằng văn bản; nếu xử lý bằng hình thức hạ bậc danh hiệu thì đưa trong năm hoặc không xét tặng danh hiệu thì đưa trong năm thì tổ chức họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trên trực tiếp (nếu không tổ chức họp thì xin ý kiến bằng văn bản);

Sau khi xử lý, báo cáo bằng văn bản về cơ quan điều lệnh cấp trên trực tiếp hoặc đơn vị ra thông báo.

b) Đối với cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh:

Lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp quản lý yêu cầu cán bộ, chiến sĩ vi phạm viết bản tự kiểm điểm về hành vi vi phạm và tự nhận hình thức xử lý vi phạm; tổ chức thẩm tra, xác minh, kết luận về hành vi vi phạm của cán bộ, chiến sĩ; nếu vi phạm đã rõ thì không cần xác minh. Căn cứ nội dung tự kiểm điểm của cán bộ, chiến sĩ và kết quả xác minh, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, xét thấy cần thiết phải tạm đình chỉ công tác của cán bộ, chiến sĩ vi phạm thì ra quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định;

Căn cứ nội dung vi phạm để tổ chức họp xét cho phù hợp: Nếu xử lý bằng hình thức phê bình thì tổ chức họp đơn vị hoặc cán bộ chủ chốt (thành phần do thủ trưởng đơn vị quyết định), sau đó ra thông báo bằng văn bản; nếu xử lý bằng hình thức hạ bậc danh hiệu thì đưa năm hoặc không xét tặng danh hiệu thì đưa năm thì tổ chức họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cùng cấp (nếu không tổ chức họp thì xin ý kiến bằng văn bản); nếu xử lý bằng hình thức xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về nhận xét, đánh giá và xếp loại cán bộ trong Công an nhân dân; nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật từ khiển trách đến tước danh hiệu Công an nhân dân thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về xử lý kỷ luật cán bộ, chiến sĩ trong Công an nhân dân;

Sau khi xử lý, báo cáo bằng văn bản về cơ quan điều lệnh cấp trên trực tiếp hoặc đơn vị ra thông báo. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ có dấu hiệu vi phạm pháp luật phải báo cáo cấp có thẩm quyền chuyển tài liệu cho cơ quan chức năng xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền xử lý

a) Trường hợp có căn cứ xử lý bằng hình thức phê bình thì do thủ trưởng đơn vị (đối với cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh) hoặc thủ trưởng đơn vị cấp trên trực tiếp (đối với đơn vị vi phạm điều lệnh) quyết định;

b) Trường hợp có căn cứ xử lý bằng hình thức hạ bậc danh hiệu thì đưa năm hoặc không xét tặng danh hiệu thì đưa năm thì do Hội đồng thi đua, khen thưởng cùng cấp hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp trên trực tiếp quyết định;

c) Trường hợp có căn cứ xử lý bằng hình thức xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về nhận xét, đánh giá và xếp loại cán bộ trong Công an nhân dân;

d) Trường hợp có căn cứ xử lý bằng hình thức từ Khiển trách trở lên thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về xử lý kỷ luật cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

3. Hồ sơ xử lý, bao gồm:

a) Biên bản kiểm tra điều lệnh hoặc biên bản vi phạm điều lệnh; biên bản xác minh, các tài liệu chứng cứ khác (nếu có);

b) Báo cáo kiểm điểm của đơn vị vi phạm điều lệnh; bản tự kiểm điểm, tường trình của cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh;

c) Biên bản họp xét, đề nghị xử lý vi phạm; biên bản kiểm phiếu (nếu có);

d) Quyết định xử lý, thông báo kết quả xử lý vi phạm.

4. Hồ sơ tài liệu xử lý vi phạm điều lệnh do cơ quan tham mưu đề xuất xử lý vi phạm lưu trữ. Việc lưu trữ hồ sơ thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về công tác văn thư hành chính, hồ sơ lưu trữ văn bản quản lý nhà nước trong Công an nhân dân.

Điều 12. Xử lý liên đới trách nhiệm

1. Đối với đơn vị vi phạm điều lệnh:

a) Trường hợp đơn vị vi phạm bị xử lý bằng hình thức hạ bậc danh hiệu thi đua, thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo, chỉ huy phụ trách trực tiếp bị xử lý bằng hình thức phê bình; trường hợp đơn vị vi phạm nhiều lần, thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo, chỉ huy phụ trách trực tiếp bị xử lý bằng hình thức hạ một bậc danh hiệu thi đua năm;

b) Trường hợp đơn vị vi phạm bị xử lý bằng hình thức không xét tặng danh hiệu thi đua năm, thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo, chỉ huy phụ trách trực tiếp bị xử lý bằng hình thức hạ một bậc danh hiệu thi đua năm; trường hợp đơn vị vi phạm nhiều lần, thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo, chỉ huy phụ trách trực tiếp bị xử lý bằng hình thức không xét tặng danh hiệu thi đua năm.

2. Đối với cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh:

a) Trường hợp cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý bằng hình thức hạ một bậc danh hiệu thi đua năm, thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo, chỉ huy phụ trách trực tiếp bị xử lý bằng hình thức phê bình;

b) Trường hợp cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý bằng hình thức không xét tặng danh hiệu thi đua năm đến xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ, thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo, chỉ huy phụ trách trực tiếp bị xử lý bằng hình thức hạ một bậc danh hiệu thi đua năm;

c) Trường hợp cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức Khiển trách đến Tước danh hiệu Công an nhân dân, thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo, chỉ huy phụ trách trực tiếp bị xử lý bằng hình thức không xét tặng danh hiệu thi đua năm. Trường hợp lãnh đạo, chỉ huy có liên quan trực tiếp đến hành vi vi phạm của cán bộ, chiến sĩ bị xử lý kỷ luật, thực hiện theo quy định của Bộ Công an về kỷ luật cán bộ, chiến sĩ trong Công an nhân dân.

3. Thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo, chỉ huy phụ trách trực tiếp chịu trách nhiệm liên đới nếu để đơn vị, cán bộ, chiến sĩ vi phạm điều lệnh hoặc để quá thời hạn xử lý vi phạm điều lệnh. Trường hợp cán bộ, chiến sĩ vi phạm nhiều lần mà trước đó thủ trưởng đơn vị, lãnh đạo, chỉ huy phụ trách trực tiếp đã nhắc nhở, chấn chỉnh bằng văn bản hoặc nhắc nhở, chấn chỉnh trong cuộc họp, giao ban của đơn vị (nội dung chấn chỉnh, nhắc nhở được ghi trong biên bản họp, giao ban của đơn vị), đồng thời có văn bản báo cáo lãnh đạo cấp trên trực tiếp thì thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo, chỉ huy phụ trách trực tiếp không phải chịu trách nhiệm liên đới.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2021, thay thế Thông tư số [10/2010/TT-BCA](#) ngày 25 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định xử lý vi phạm điều lệnh Công an nhân dân.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc học viện, Hiệu trưởng trường Công an nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Cục Công tác đảng và công tác chính trị chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị có liên quan đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Bộ (qua Cục Công tác đảng và công tác chính trị) để được hướng dẫn./.

Nơi nhân:

- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ (để thực hiện);
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để thực hiện);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật);
- Công báo;
- Lưu: VT, V03, X03 (P8). 170

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm